

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN KON RẪY
TỈNH KON TUM**

Bản án số: 02/2021/HS-ST

Ngày: 27/01/2021

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN KON RẪY, TỈNH KON TUM**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- *Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Lê Hữu Nuôi.
- *Các Hội thẩm nhân dân:*

+ Ông Huỳnh Minh Trung.

+ Ông Nguyễn Hồng Phúc.

- ***Thư ký phiên tòa:*** Ông Trần Đăng Lễ - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Kon Rẫy, tỉnh Kon Tum.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Kon Rẫy, tỉnh Kon Tum tham gia phiên tòa:*** Ông Nguyễn Văn Tùng - Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 01 năm 2021, tại Nhà rông thôn 06, xã ĐăkTờ Re, huyện Kon Rẫy, tỉnh Kon Tum đưa ra xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 04/2021/TLST-HS ngày 07/01/2021 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 01/2021/QĐXXST - HS ngày 14 tháng 01 năm 2021 đối với các bị cáo:

1. Họ và tên: A T; tên gọi khác: Không; Sinh ngày 21 tháng 9 năm 1985 tại huyện Kon Rẫy, tỉnh Kon Tum.

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Thôn 06, xã ĐăkTờ Re, huyện Kon Rẫy, tỉnh Kon Tum.

Nghề nghiệp: Làm nông. Trình độ văn hoá: 6/12; Dân tộc: Jơ Long; Tôn giáo: Thiên chúa giáo; Quốc tịch: Việt Nam.

Con ông A Đeoh, sinh năm 1967 và bà Y Hloi (đã chết), đều làm nông và sinh sống tại: Thôn 12, xã Đăk Ruồng, huyện Kon Rẫy, tỉnh Kon Tum.

Có vợ là Y K, sinh năm 1989, trú tại: Thôn 06, xã ĐăkTờ Re, huyện Kon Rẫy, tỉnh Kon Tum (là bị cáo trong vụ án này);

Bị cáo có 05 người con, lớn nhất sinh năm 2008, nhỏ nhất sinh năm 2018.

Tiền án, tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo hiện đang bị áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú. Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

2. Họ và tên: Y K, tên gọi khác: Không; Sinh năm 1989 tại Kon Tum.

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Thôn 06, xã ĐăkTờRe, huyện Kon Rẫy, tỉnh Kon Tum.

Nghề nghiệp: Làm nông; Trình độ văn hoá: 5/12; Dân tộc: Ba Na; Tôn giáo: Thiên chúa giáo; Quốc tịch: Việt Nam.

Con ông A Kĩu, sinh năm 1957 và bà Y Khẽ, sinh năm: 1960; đều làm nông và sinh sống tại: Thôn 06, xã ĐăkTờ Re, huyện Kon Rẫy, tỉnh Kon Tum.

Bị cáo có chồng tên A Tâm (là bị cáo trong vụ án này);

Bị cáo có 05 người con, lớn nhất sinh năm 2008, nhỏ nhất sinh năm 2018.

Tiền án, tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo hiện đang bị áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú. Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

- *Người bào chữa cho các bị cáo:* Bà Nguyễn Thị Thúy Hằng - Trợ giúp viên pháp lý của Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Kon Tum.

Địa chỉ: 211 Trần Hưng Đạo, TP Kon Tum, tỉnh Kon Tum; Có mặt .

- *Nguyên đơn dân sự:* Ủy ban nhân dân huyện Kon Rẫy, tỉnh Kon Tum - Do ông Võ Văn Lương – Chủ tịch UBND huyện Kon Rẫy đại diện theo pháp luật. Ông Võ Văn Lương ủy quyền lại cho ông Nguyễn Văn Thủy - Chức vụ: Phó Chủ tịch UBND huyện Kon Rẫy đại diện theo ủy quyền.

Địa chỉ: Thôn 01, xã Tân Lập, huyện Kon Rẫy, tỉnh Kon Tum. Có mặt.

- *Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:*

+ Ông A Đoa, sinh năm: 1983.

Địa chỉ: Thôn 06, xã Đăk Tờ Re, huyện Kon Rẫy, tỉnh Kon Tum. Có mặt.

+ Bà Y Thoar, sinh năm: 1986.

Địa chỉ: Thôn 06, xã Đăk Tờ Re, huyện Kon Rẫy, tỉnh Kon Tum. Có mặt.

- *Người làm chứng:*

+ Ông A Kel, sinh năm: 1987.

Địa chỉ: Thôn 06, xã Đăk Tờ Re, huyện Kon Rẫy, tỉnh Kon Tum. Có mặt.

+ Ông Nguyễn Quang Bình, sinh năm: 1963.

Địa chỉ: Tổ 01, phường Duy Tân, TP. Kon Tum, tỉnh Kon Tum. Có mặt.

+ Ông Phạm Văn Bằng, sinh năm: 1981.

Địa chỉ: Thôn 01, xã Tân Lập, huyện Kon Rẫy, tỉnh Kon Tum. Vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt.

Người phiên dịch: Ông A Klít – Cán bộ hưu trí xã Đăk Tờ Re, huyện Kon Rẫy.

Địa chỉ: Thôn 06, xã Đăk Tờ Re, huyện Kon Rẫy, tỉnh Kon Tum. Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào khoảng tháng 11/2019 âm lịch (*tức là khoảng tháng 12/2019*), bị cáo A T đi thăm bẫy chuột ở rừng, thuộc khu vực Lô 4 (*tên gọi khác Lô 1a*), Khoảnh 2, Tiểu khu 553 là rừng tự nhiên, chức năng rừng sản xuất, do hộ gia đình ông A Đoa (*sinh năm 1983, trú tại thôn 06, xã Đăk Tờ Re, huyện Kon Rẫy*) nhận quản lý, bảo vệ rừng (*theo chủ trương Quyết định số 304/2005/QĐ-TTg ngày 23/11/2005 của Thủ tướng Chính phủ*) thì phát hiện có một khoảng diện tích rừng có độ dốc thấp, cạnh khe suối có thể làm rẫy trồng mì, trồng bắp được; nên khi về nhà, A T nói vợ mình là bị cáo Y K “*Vợ đồng ý phát rừng núi để làm rẫy không?*”, thì Y K trả lời “*Ừ, tức là đồng ý*”. Sau đó, khoảng 02 đến 03 ngày, bị cáo A T và Y K mang theo 02 con dao rựa, 01 máy cưa xăng đi đến khu vực rừng trên chặt, cắt cây để lấy đất làm rẫy, đối với những cây nhỏ và dây leo thì bị cáo A T và Y K dùng dao rựa để chặt, còn những cây gỗ lớn thì bị cáo A T dùng cưa xăng để cắt hạ cây. Bị cáo A T và Y K chặt, cắt cây tại khu vực rừng trên được khoảng 02 tháng (*trong đó Y K có ngày tham gia chặt cây, có ngày không tham gia chặt cây, tổng số ngày Y K cùng với A T tham gia chặt cây tại khu vực rừng nêu trên khoảng 20 ngày đến 30 ngày*) thì dừng lại, chờ cây khô rồi đốt dọn để lấy đất làm rẫy. Đến ngày 02/03/2020, Tổ công tác liên ngành xã Đăk Tờ Re, huyện Kon Rẫy tiến hành tuần tra, truy quét thì phát hiện khu vực rừng bị A T, Y K chặt phá nêu trên, nên đã lập biên bản và bàn giao cho Hạt Kiểm lâm huyện xử lý.

Kết quả khám nghiệm hiện trường xác định khu vực rừng tại Lô 4, Khoảnh 2, Tiểu khu 553 bị các bị cáo A T và Y K chặt, phá toàn bộ có diện tích là 7.640 m². Quá trình điều tra đã xác định khu vực rừng bị A T, Y K chặt phá có khối lượng, chủng loại các loại gỗ gồm: Bằng lăng 6,429 m³; Chò xót 7,310 m³; Dẻ trắng 7,147 m³; Lành ngạnh 8,062 m³. Tổng khối lượng gỗ được xác định là 29,011 m³ gỗ tròn.

Tại bản kết luận định giá tài sản số 20 ngày 14/12/2020 của Hội đồng định giá trong Tổ tụng Hình sự huyện Kon Rẫy, kết luận: Khối lượng 29,011 m³ gỗ (*gồm: Bằng lăng 6,429 m³; Chò xót 7,310 m³; Dẻ trắng 7,147 m³; Lành ngạnh 8,062 m³*) có giá trị làm tròn là 71.003.000 đồng (*Bảy mươi một triệu không trăm không ba ngàn đồng*). Giá trị thiệt hại phải bồi thường đối với 7.640 m² diện tích rừng tự nhiên, có chức năng rừng sản xuất tại Lô 4, Khoảnh 2, Tiểu khu 553, thuộc xã Đăk Tờ Re, huyện Kon Rẫy, tỉnh Kon Tum do bị cáo A T, Y K chặt, phá có mức độ thiệt hại 100% là 221.626.560 đồng (*Hai trăm hai mươi một triệu sáu trăm hai sáu ngàn năm trăm sáu mươi đồng*).

Vật chứng vụ án: Quá trình điều tra, Cơ quan CSĐT-Công an huyện Kon Rẫy đã tạm giữ những đồ vật, vật chứng như sau:

- 01 (Một) con dao rựa có kích thước dài 61 cm, phần lưỡi được làm bằng kim loại dài 30 cm, chỗ rộng nhất 5 cm, đầu mũi quắp; phần liên kết giữa phần lưỡi và phần cán được bọc bằng kim loại dài 9 cm; phần cán được làm bằng cây le có kích thước dài 31 cm, đường kính 2 cm.

- 01 (Một) con dao rựa có kích thước dài 58 cm, phần lưỡi được làm bằng kim loại dài 26 cm, chỗ rộng nhất 5 cm, đầu mũi quắp; phần liên kết giữa phần lưỡi và phần cán được bọc bằng kim loại dài 7,2 cm; phần cán được làm bằng cây le có kích thước dài 32 cm, đường kính 2,2 cm.

Đối với máy cưa xăng mà bị cáo A T dùng để chặt phá rừng, do đã bị hư hỏng nên A T và Y K đã cho con mình bán cho người thu mua phế liệu (*không rõ lai lịch và địa chỉ*), nên Cơ quan điều tra không thu giữ được.

Đối với số cây gỗ tại diện tích rừng do A T, Y K chặt phá do đã bị đốt cháy không còn giá trị, nên Cơ quan điều tra không thu giữ được.

Quá trình điều tra, các bị cáo A T và Y K đã khai nhận hành vi phạm tội của mình và các bị cáo đã khắc phục 1.000.000 đồng; tại phiên tòa các bị cáo tiếp tục bồi thường 40.000.000 đồng cho nguyên đơn dân sự. Hiện nay, Chi cục thi hành án dân sự huyện Kon Rẫy tạm giữ tổng số tiền 41.000.000 đồng này để đảm bảo công tác thi hành án.

Tại Cáo trạng số 01/CT-VKS ngày 06 tháng 01 năm 2021, Viện kiểm sát nhân dân huyện Kon Rẫy, tỉnh Kon Tum đã truy tố các bị cáo A T và Y K về tội “*Hủy hoại rừng*” theo điểm b khoản 1 Điều 243 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017.

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát giữ nguyên quyết định truy tố đối với các bị cáo A T và Y K về tội “*Hủy hoại rừng*”. Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm b khoản 1 Điều 243; Điều 38; điểm b, s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự để xử phạt:

Bị cáo A T từ 15 (mười lăm) đến 18 (mười tám) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt thi hành án.

Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm b khoản 1 Điều 243; Điều 65; điểm b, s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự để xử phạt:

Bị cáo Y K từ 12 (mười hai) đến 15 (mười lăm) tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 24 tháng đến 30 tháng. Giao bị cáo Y K cho UBND xã Đăk Tô Re, huyện Kon Rẫy, tỉnh Kon Tum quản lý, giáo dục trong thời gian thử thách.

Về trách nhiệm dân sự: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 48 của Bộ luật hình sự; Điều 584, Điều 585, Điều 587 Điều 589 Bộ luật Dân sự.

Công nhận sự thỏa thuận của các bị cáo A T và Y K và nguyên đơn dân sự về phần bồi thường thiệt hại số tiền 221.626.560 đồng (*Hai trăm hai một triệu, sáu trăm hai sáu ngàn, năm trăm sáu mươi đồng*) trong thời gian 03 năm kể từ ngày 27/01/2021, được khấu trừ 1.000.000 đồng do bị cáo A T và Y K tự nguyện giao nộp tại cơ quan cảnh sát điều tra và 40.000.000 đồng các bị cáo nộp cho Chi cục thi hành án dân sự huyện Kon Rẫy theo biên lai thu tiền số AA/2010/006722 ngày 27/01/2021 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Kon Rẫy để khắc phục hậu quả thiệt hại. Khi bản án có hiệu lực pháp luật Chi cục Thi hành án dân sự huyện Kon Rẫy trả lại cho UBND huyện Kon Rẫy số tiền 41.000.000 đồng. Còn lại các bị cáo A T và Y K tiếp tục bồi thường cho UBND huyện Kon Rẫy, tỉnh Kon Tum số tiền 180.626.560 đồng trong thời gian 03 (ba) năm, tính từ ngày 27/01/2021.

Về vật chứng của vụ án: Đề nghị HĐXX áp dụng Điều 47 Bộ luật hình sự; Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự tuyên: Tịch thu tiêu hủy các vật chứng nêu trên (Theo biên bản giao nhận vật chứng ngày 06/01/2021 của Công an huyện Kon Rẫy với Chi cục thi hành án dân sự huyện Kon Rẫy).

Về án phí: Đề nghị HĐXX căn cứ vào khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; Điều 12, và Điều 14 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án kèm theo danh mục án phí, lệ phí Tòa án. Miễn toàn bộ các khoản án phí (dân sự sơ thẩm và hình sự sơ thẩm) cho các bị cáo A T và Y K .

Ngoài ra trong vụ án này còn thể hiện:

Đối với A Đoa là người được Ủy ban nhân dân huyện Kon Rẫy giao quản lý, bảo vệ rừng tại Lô 4 (lô 1a), Khoảnh 2, Tiểu khu 553 theo quyết định số 1423/QĐ-UBND ngày 28/12/2007 của Ủy ban nhân dân huyện Kon Rẫy. Sau đó, khu vực rừng này đã bị A T và Y K chặt phá toàn bộ diện tích 7.640 m², gây thiệt hại 221.626.560 đồng; Cơ quan điều tra sẽ tiếp tục điều tra, làm rõ, xử lý sau về hành vi thiếu trách nhiệm gây hậu quả nghiêm trọng đối với A Đoa.

Đối với số cây gỗ tại diện tích rừng do A T, Y K chặt phá bị đốt cháy, làm thiệt hại 71.003.000 đồng và hiện vẫn chưa xác định được người đốt; Cơ quan điều tra sẽ xác minh, làm rõ, xử lý sau.

Các bị cáo A T , Y K thừa nhận hành vi phạm tội của mình đã dùng 02 con dao rựa và 01 máy cưa phá rừng để làm nương rẫy, không có tranh luận gì. Xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt vì các bị cáo có 05 con nhỏ không có ai chăm sóc, nuôi dưỡng.

Người bào chữa cho các bị cáo đồng ý với luận tội của kiểm sát viên. Tuy nhiên, các bị cáo A T và A K là người đồng bào dân tộc thiểu số, sinh sống ở vùng có điều kiện kinh tế đặc biệt khó khăn và thuộc diện hộ nghèo. Bên cạnh đó các bị cáo tại cơ quan cảnh sát điều tra và tại phiên tòa các bị cáo đã bồi thường 41.000.000đ để khắc phục một phần thiệt hại. Do vậy, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét áp dụng qui định

tại điểm b, s khoản 1 Điều 51; khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo A T với mức án 15 (mười lăm) tháng tù giam và Y K với mức án 12 (mười hai) tháng tù nhưng cho hưởng án treo là phù hợp. Vì các bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; khắc phục một phần thiệt hại; dân tộc thiểu số, sống vùng đặc biệt khó khăn, nhận thức pháp luật còn nhiều hạn chế; có 05 con nhỏ và các bị cáo đều là lao động chính trong gia đình.

- *Nguyên đơn dân sự*: Ông Nguyễn Văn Thủy – Phó Chủ tịch UBND huyện là người đại diện theo ủy quyền: Đề nghị Hội đồng xét xử: Xét xử các bị cáo A T, Y K nghiêm theo qui định của pháp luật.

+ Về trách nhiệm dân sự: Buộc các bị cáo A T và Y K phải bồi thường cho nguyên đơn dân sự số tiền 221.626.560 đồng (*Hai trăm hai một triệu, sáu trăm hai sáu ngàn , năm trăm sáu mươi đồng*). Hiện tại, các bị cáo đã nộp 1.000.000đ tại cơ quan cảnh sát điều tra và tại phiên tòa các bị cáo đã nộp thêm 40.000.000đ để khắc phục thiệt hại và đại diện nguyên đơn dân sự đề nghị các bị cáo tiếp tục bồi thường số tiền còn lại là: 180.626.560đ (*Một trăm tám mươi triệu, sáu trăm hai mươi sáu ngàn, năm trăm sáu mươi đồng*) trong thời gian 03 năm, tính từ ngày 27/01/2021. Các bị cáo A T và Y K nhất trí bồi thường theo yêu cầu của nguyên đơn dân sự.

- *Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan*:

+ Ông A Đoa không có yêu cầu gì đối với các bị cáo.

+ Bà Y Thoair không có yêu cầu gì đối với các bị cáo.

Căn cứ vào các chứng cứ và tài liệu đã được thẩm tra tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ, ý kiến của các bị cáo, và những người tham gia tố tụng khác.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về các hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên, Kiểm sát viên, người bào chữa trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ Luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa các bị cáo và những người tham gia tố tụng không ai có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Các hành vi, quyết định tố tụng của các cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều đảm bảo theo quy định của pháp luật.

[2] Về nội dung vụ án: Tại phiên tòa bị cáo A T và Y K khai nhận hành vi phạm tội, lời khai nhận của bị cáo phù hợp với lời khai của nguyên đơn dân sự; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan; người làm chứng và các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án. Hội đồng xét xử có đủ cơ sở xác định: Vào khoảng tháng 11/2019 âm

lich bị cáo A T đến khu vực Lô 4 (*tên gọi khác Lô 1a*), Khoảnh 2, Tiểu khu 553 là rừng tự nhiên, chức năng rừng sản xuất, do hộ gia đình ông A Đoa nhận quản lý, bảo vệ rừng (*theo chủ trương Quyết định số 304/2005/QĐ-TTg ngày 23/11/2005 của Thủ tướng Chính phủ*) thì phát hiện có một khoảng diện tích rừng có độ dốc thấp, cạnh khe suối có thể làm rẫy trồng mì, trồng bắp được; nên khi về nhà, bị cáo A T nói vợ mình là bị cáo Y K “*Vợ đồng ý phát rừng núi để làm rẫy không?*”, thì Y K đồng ý. Sau đó, bị cáo A T và Y K mang theo 02 con dao rựa, 01 máy cưa xăng đi đến khu vực rừng trên chặt, cắt cây để làm rẫy. Đến ngày 02/03/2020, Tổ công tác liên ngành xã Đăk Tô Re, huyện Kon Rẫy tiến hành tuần tra, truy quét thì phát hiện khu vực rừng bị A T và Y K chặt, phá nên đã lập biên bản về hành vi vi phạm và bàn giao cho Hạt Kiểm lâm huyện xử lý.

[3] Căn cứ kết quả khám nghiệm hiện trường xác định khu vực rừng tại Lô 4, Khoảnh 2, Tiểu khu 553 bị A T và Y K chặt, phá toàn bộ có diện tích là 7.640 m². Quá trình điều tra đã xác định khu vực rừng bị A T, Y K chặt phá có khối lượng, chủng loại các loại gỗ gồm: Bằng lăng 6,429 m³; Chò xót 7,310 m³; Dẻ trắng 7,147 m³; Lành ngạnh 8,062 m³. Tổng khối lượng gỗ được xác định là 29,011 m³ gỗ tròn.

Tại bản kết luận định giá tài sản số 20 ngày 14/12/2020 của Hội đồng định giá trong Tổ tụng Hình sự huyện Kon Rẫy, kết luận: Khối lượng 29,011 m³ gỗ (*gồm: Bằng lăng 6,429 m³; Chò xót 7,310 m³; Dẻ trắng 7,147 m³; Lành ngạnh 8,062 m³*) có giá trị làm tròn là 71.003.000 đồng (*Bảy mươi một triệu không trăm không ba ngàn đồng*). Giá trị thiệt hại phải bồi thường đối với 7.640 m² diện tích rừng tự nhiên, có chức năng rừng sản xuất tại Lô 4, Khoảnh 2, Tiểu khu 553, thuộc xã Đăk Tô Re, huyện Kon Rẫy, tỉnh Kon Tum do A T, Y K chặt, phá có mức độ thiệt hại 100% là 221.626.560 đồng (*Hai trăm hai một triệu, sáu trăm hai sáu ngàn, năm trăm sáu mươi đồng*).

[4] Xét hành vi của các bị cáo: Hành vi dùng 02 dao (rựa) và 01 cưa xăng chặt hạ cây rừng với mục đích phá rừng làm nương rẫy của các bị cáo A T và Y K đã phạm vào tội “*Hủy hoại rừng*” quy định tại điểm b khoản 1 Điều 243 Bộ luật hình sự. Do đó, Cáo trạng số 01/CT-VKS ngày 06/01/2021 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Kon Rẫy, tỉnh Kon Tum truy tố các bị cáo A T và Y K về tội : “*Hủy hoại rừng*” là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật. Tại phiên tòa, Kiểm sát viên trình bày quan điểm luận tội đối với các bị cáo là có cơ sở, phù hợp với quy định của pháp luật, nên cần được chấp nhận để Hội đồng xét xử xem xét khi quyết định hình phạt và các vấn đề khác đối với các bị cáo.

[5] Xét tính chất, mức độ và hậu quả của hành vi phạm tội do các bị cáo gây ra là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm đến chế độ quản lý rừng của Nhà nước, xâm phạm nghiêm trọng đến môi trường sinh thái, gây ra những hậu quả nặng nề khác cho đời sống xã hội. Pháp luật nghiêm cấm mọi hành vi hủy hoại tài nguyên rừng bởi rừng là tài nguyên quý báu của đất nước, là bộ phận quan trọng của môi trường sinh thái, có giá trị to lớn đối với nền kinh tế, gắn liền với đời sống của nhân dân. Các bị cáo A T và Y K là người có đầy đủ năng lực nhận thức và điều khiển hành vi,

hoàn toàn nhận thức được tính nguy hiểm của hành vi mình thực hiện, hiểu biết pháp luật và được tuyên truyền pháp luật về bảo vệ rừng nhưng chỉ vì mục đích phá rừng để làm nương rẫy, phát triển kinh tế gia đình mà các bị cáo đã bất chấp quy định của pháp luật về bảo vệ và phát triển rừng, các bị cáo đã cố ý thực hiện và xâm phạm đến lợi ích chung của cộng đồng. Hơn nữa, hiện nay tình hình tội phạm trên địa bàn huyện đang có chiều hướng gia tăng, nhất là tình trạng chặt phá rừng làm nương rẫy diễn ra công khai, xâm phạm đến chế độ quản lý rừng của Nhà nước, làm ảnh hưởng nghiêm trọng đến môi trường sinh thái, gây bất bình trong quần chúng nhân dân. Do đó, Hội đồng xét xử xét thấy cần phải xử phạt các bị cáo một mức án thật nghiêm khắc, tương xứng với tính chất, mức độ, hậu quả do hành vi của các bị cáo gây ra, cách ly các bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian, có như vậy mới đủ điều kiện và thời gian cải tạo, răn đe, giáo dục bị cáo trở thành công dân tốt đồng thời có tác dụng tuyên truyền giáo dục, phòng ngừa chung cho toàn xã hội.

Tuy nhiên, khi quyết định hình phạt, Toà án căn cứ vào quy định của Bộ luật Hình sự, cân nhắc tính chất và mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội, nhân thân của các bị cáo, các tình tiết giảm nhẹ và tăng nặng trách nhiệm hình sự để quyết định hình phạt cho các bị cáo.

- *Về nhân thân*: các bị cáo A T và Y K có nhân thân tốt, chưa có tiền án, tiền sự, phạm tội lần đầu.

- *Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự*: không có.

- *Về tình tiết giảm nhẹ*: Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa hôm nay, các bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, là người đồng bào dân tộc thiểu số, sinh sống ở vùng có điều kiện kinh tế đặc biệt khó khăn, hiểu biết pháp luật còn hạn chế; thuộc diện hộ nghèo điều kiện hoàn cảnh kinh tế gia đình của bị cáo hiện nay rất khó khăn; các bị cáo có 05 người con còn nhỏ; các bị cáo đều là lao động chính trong gia đình, mục đích phá rừng của bị cáo là để làm nương rẫy, xóa đói, giảm nghèo phát triển kinh tế gia đình và ổn định cuộc sống.

Sau khi phạm tội, các bị cáo đã tự nguyện bồi thường một phần thiệt hại để khắc phục hậu quả do hành vi mình gây ra với số tiền 41.000.000 đồng. Đây là các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại điểm b, s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự. Do đó, cần áp dụng để giảm nhẹ một phần hình phạt cho các bị cáo khi quyết định hình phạt.

Đối với bị cáo A T là người chủ mưu, khởi xướng và trực tiếp dùng rựa, máy cưa chặt phá rừng thời gian khoảng 02 đến 03 tháng nên bị cáo A T phải chịu trách nhiệm hình sự với vai trò chính trong vụ án này. Do vậy, Hội đồng xét xử xét thấy cần phải xử phạt bị cáo A T hình phạt tù, cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian mới đủ điều kiện và thời gian cải tạo, răn đe, giáo dục bị cáo trở thành công dân tốt đồng thời có tác dụng tuyên truyền giáo dục, phòng ngừa chung cho toàn xã hội.

Đối với bị cáo Y K đồng phạm trong vụ án nhưng giảm đơn bị cáo không có phân công nhiệm vụ cụ thể, bị cáo chặt phá rừng bằng rựa, thời gian tham gia khoảng 20 đến 30 ngày ít hơn bị cáo A T, nên bị cáo phải chịu trách nhiệm hình sự thứ hai sau bị cáo A T. Xét thấy cần giảm xem xét giảm nhẹ hình phạt đối với bị cáo Y K để cho bị cáo thấy được tính khoan hồng của pháp luật và để bị cáo có điều kiện chăm sóc, nuôi dưỡng 05 con nhỏ của các bị cáo, nên xem xét cho bị cáo Y K hưởng án treo, ấn định thời gian thử thách theo qui định của pháp luật, giao bị cáo cho Y K yun cho UBND xã ĐăkTờ Re, huyện Kon Rẫy, tỉnh Kon Tum giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách.

[6] Đối với hành vi của A Đoa là người được Ủy ban nhân dân huyện Kon Rẫy giao quản lý, bảo vệ rừng tại Lô 4 (lô 1a), Khoảnh 2, Tiểu khu 553 theo quyết định số 1423/QĐ-UBND ngày 28/12/2007 của Ủy ban nhân dân huyện Kon Rẫy. Sau đó, khu vực rừng này đã bị A Tâm và Y K yun chặt phá toàn bộ diện tích 7.640 m², gây thiệt hại 221.626.560 đồng. Đối với số cây gỗ tại diện tích rừng do A T, Y K chặt phá bị đốt cháy, làm thiệt hại 71.003.000 đồng và hiện vẫn chưa xác định được người đốt. Do việc định giá tài sản đến ngày 14/12/2020 mới có kết quả (lúc này đã gần hết thời hạn điều tra vụ án) nên không đảm bảo thời gian để xử lý trách nhiệm của A Đoa và hành vi hủy hoại số cây gỗ do A T, Y K chặt, phá trong cùng vụ án này. Do vậy, Cơ quan điều tra sẽ tiếp tục xác minh, điều tra thu thập tài liệu, chứng cứ để xử lý trong một vụ việc khác là phù hợp.

[7] Đối với nội dung bào chữa của bà Nguyễn Thị Thúy Hằng: Xét thấy, hiện nay, tình trạng đốt, phá rừng tại địa phương xảy ra nhiều nên cần xử lý nghiêm, cách ly bị cáo ra khỏi cộng đồng xã hội một thời gian để giáo dục, răn đe và phòng ngừa chung. Tuy nhiên, ý kiến của bà Nguyễn Thị Thúy Hằng là người bào chữa cho các bị cáo đề nghị Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo A T và bị cáo Y K vì các bị cáo là người đồng bào dân tộc thiểu số, sinh sống ở vùng có điều kiện kinh tế đặc biệt khó khăn nên nhận thức pháp luật còn nhiều hạn chế và thuộc diện hộ nghèo; các bị cáo tại cơ quan cảnh sát điều tra và tại phiên tòa các bị cáo đã bồi thường 41.000.000đ để khắc phục một phần thiệt hại. Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng tình tiết giảm nhẹ qui định tại điểm b, s khoản 1 Điều 51; khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo A T với mức án 15 (mười lăm) tháng tù giam và Y K với mức án 12 (mười hai) tháng tù, nhưng cho hưởng án treo. Vì các bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; khắc phục một phần thiệt hại; dân tộc thiểu số, sống vùng đặc biệt khó khăn nhận biết pháp luật còn hạn chế; có 05 con nhỏ và các bị cáo đều là lao động chính trong gia đình. Hội đồng xét xử xét thấy có cơ sở để chấp nhận.

[8] Về trách nhiệm dân sự: Nguyên đơn dân sự yêu cầu các bị cáo A T và Y K phải bồi thường cho Nhà nước là 221.626.560 đồng (*Hai trăm hai một triệu, sáu trăm hai sáu ngàn, năm trăm sáu mươi đồng*) tại cơ quan điều tra các bị cáo đã khắc phục bồi thường được 1.000.000 đồng, và tại phiên tòa các bị cáo đã bồi thường tiếp

40.000.000 đồng, số tiền 41.000.000 đồng này đang tạm giữ tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Kon Rẫy và khi bản án có hiệu lực Chi cục Thi hành án dân sự huyện Kon Rẫy trả lại cho nguyên đơn dân sự. Còn lại số tiền 180.626.560 đồng nguyên đơn dân sự yêu cầu các bị cáo tiếp tục bồi thường trong thời gian 03 năm kể từ 27/01/2021 và các bị cáo A T và Y K nhất trí bồi thường. Hội đồng xét xử xét thấy yêu cầu của nguyên đơn dân sự là đúng theo qui định pháp luật và đúng với thực tế thiệt hại mà các bị cáo A T và Y K đã gây ra theo bản kết luận định giá tài sản số 20 ngày 14/12/2020 của Hội đồng định giá trong Tổ tụng Hình sự huyện Kon Rẫy kết luận và các bị cáo nhất trí bồi thường nên Hội đồng xét xử công nhận sự thỏa thuận của các bị cáo A T và Y K và nguyên đơn dân sự về phần bồi thường thiệt hại như trên..

Xét thấy hoàn cảnh kinh tế của các bị cáo là hộ nghèo, có xác nhận của chính quyền địa phương nên không cần thiết phạt bổ sung bằng hình thức phạt tiền đối với bị cáo.

Những người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan: Ông A Đoa và bà Y Thoair không có yêu cầu gì đối với bị cáo nên HĐXX không xem xét,

[9] Về vật chứng vụ án:

- 01 (Một) con dao rựa có kích thước dài 61 cm, phần lưỡi được làm bằng kim loại dài 30 cm, chỗ rộng nhất 5 cm, đầu mũi quắp; phần liên kết giữa phần lưỡi và phần cán được bọc bằng kim loại dài 9 cm; phần cán được làm bằng cây le có kích thước dài 31 cm, đường kính 2 cm.

- 01 (Một) con dao rựa có kích thước dài 58 cm, phần lưỡi được làm bằng kim loại dài 26 cm, chỗ rộng nhất 5 cm, đầu mũi quắp; phần liên kết giữa phần lưỡi và phần cán được bọc bằng kim loại dài 7,2 cm; phần cán được làm bằng cây le có kích thước dài 32 cm, đường kính 2,2 cm .

Đây là công cụ của các bị cáo A T và Y K sử dụng để chặt phá cây rừng trái phép, không còn giá trị sử dụng nên tịch thu, tiêu hủy.

Đối với máy cưa xăng mà bị cáo A T dùng để chặt phá rừng, do đã bị hư hỏng nên A T và Y K đã cho con mình bán cho người thu mua phế liệu (*không rõ lai lịch và địa chỉ*), nên Cơ quan điều tra không thu giữ được nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Đối với số cây gỗ tại diện tích rừng do A T, Y K chặt phá do đã bị đốt cháy không còn giá trị, nên Cơ quan điều tra không thu giữ được nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[10] Về án phí: Bị cáo A T và bị cáo Y K thuộc hộ nghèo, người đồng bào dân tộc thiểu số sống ở vùng có điều kiện kinh tế- xã hội đặc biệt khó khăn, theo quy định tại điểm đ, khoản 1 điều 12, Điều 14 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội bị cáo

thuộc trường hợp được miễn nộp toàn bộ tiền án phí hình sự và án phí dân sự cho các bị cáo.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố: Các bị cáo A T và Y K phạm tội “Hủy hoại rừng”.

- Áp dụng: điểm b khoản 1 Điều 243; Điều 38; điểm b, s, khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự;

Xử phạt bị cáo A T 15 (mười lăm) tháng tù, thời hạn tù tính ngày bắt đi thi hành án.

- Áp dụng: điểm b khoản 1 Điều 243; Điều 65; điểm b, s, khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự;

- Xử phạt bị cáo Y K 12 (mười hai) tháng tù, nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 24 (hai mươi bốn) tháng, tính ngày tuyên án (27/01/2021).

Giao bị cáo Y K cho UBND xã ĐăkTờ Re, huyện Kon Rẫy, tỉnh Kon Tum giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách. Trong thời gian thử thách người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

2. Về trách nhiệm dân sự: Căn cứ vào Điều 48 Bộ luật hình sự; các Điều 584, 585, 587, 589 Bộ luật dân sự:

Công nhận sự thỏa thuận của các bị cáo A T, Y K và nguyên đơn dân sự về phần bồi thường thiệt hại cho Ủy ban nhân dân huyện Kon Rẫy, tỉnh Kon Tum số tiền 221.626.560 đồng (*Hai trăm hai một triệu, sáu trăm hai sáu ngàn, năm trăm sáu mươi đồng*) được khấu trừ số tiền 1.000.000 đồng các bị cáo A T, Y K đã nộp theo biên bản giao nộp ngày 27/10/2020 và 40.000.000 đồng đã nộp cho Chi cục thi hành án dân sự huyện Kon Rẫy theo biên lai thu tiền số AA/2010/006722 ngày 27/01/2021 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Kon Rẫy. Khi bản án có hiệu lực pháp luật Chi cục Thi hành án dân sự huyện Kon Rẫy trả lại cho UBND huyện Kon Rẫy số tiền 41.000.000 đồng. Còn lại các bị cáo A T và Y K tiếp tục bồi thường cho UBND huyện Kon Rẫy, tỉnh Kon Tum số tiền 180.626560 đồng trong thời gian 03 (ba) năm, tính từ ngày 27/01/2021.

Áp dụng điều 357 Bộ luật dân sự: Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật, bên có nghĩa vụ chậm trả tiền thì bên đó phải trả lãi đối với số tiền chậm trả, tương ứng với thời gian chậm trả; lãi suất do chậm trả tiền được xác định theo thỏa thuận của các bên nhưng không được vượt quá lãi suất được quy định tại Điều 468 Bộ luật dân sự.

3. Về xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 47 Bộ luật hình sự; Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự tuyên: Tịch thu tiêu hủy các vật chứng gồm:

- 01 (Một) con dao rựa có kích thước dài 61 cm, phần lưỡi được làm bằng kim loại dài 30 cm, chỗ rộng nhất 5 cm, đầu mũi quắp; phần liên kết giữa phần lưỡi và phần cán được bọc bằng kim loại dài 9 cm; phần cán được làm bằng cây le có kích thước dài 31 cm, đường kính 2 cm.

- 01 (Một) con dao rựa có kích thước dài 58 cm, phần lưỡi được làm bằng kim loại dài 26 cm, chỗ rộng nhất 5 cm, đầu mũi quắp; phần liên kết giữa phần lưỡi và phần cán được bọc bằng kim loại dài 7,2 cm; phần cán được làm bằng cây le có kích thước dài 32 cm, đường kính 2,2 cm .

(Theo biên bản giao nhận vật chứng ngày 06/01/2021 của Công an huyện Kon Rẫy với Chi cục thi hành án dân sự huyện Kon Rẫy).

4. Về án phí: Căn cứ vào khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; Điều 12, và Điều 14 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án kèm theo danh mục án phí, lệ phí Tòa án. Miễn toàn bộ các khoản án phí (dân sự sơ thẩm và hình sự sơ thẩm) cho các bị cáo A T và Y K .

Căn cứ Điều 331, 333 Bộ luật tố tụng hình sự, trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (27/01/2021) các bị cáo, nguyên đơn dân sự, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan, người bào chữa có quyền làm đơn kháng cáo bản án để xin xét xử vụ án theo trình tự phúc thẩm.

Trong trường hợp bản án, quyết định được qui định theo điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các điều 6 điều 7 và điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các bị cáo; Nguyên đơn dân sự;
- Người có quyền, nghĩa vụ liên quan;
- Người bào chữa;
- VKSND huyện Kon Rẫy;
- CCTHA DS huyện Kon Rẫy;
- Công an huyện Kon Rẫy;
- TAND tỉnh Kon Tum;
- TAND cấp cao tại Đà Nẵng;
- Sở tư pháp tỉnh Kon Tum;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

- Phòng hồ sơ PV27 công an tỉnh Kon Tum;
- Lưu hồ sơ vụ án.

Lê Hữu Nuôi